

NGUYỄN HỮU THỨC. **Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội dân gian Hà Tây.** H.: Văn hoá-Thông tin & Viện Văn hoá, 2008, 291 tr., Vb. 46034.

Hà Tây là vùng đất cổ, trải qua hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước, nhiều dấu tích văn hoá của các thời đại đã được bảo tồn và duy trì ở các làng xã. Hà Tây còn lưu giữ những tín ngưỡng cổ xưa của người Việt như tín ngưỡng thờ sinh thực khí, tín ngưỡng thờ các vị thần tự nhiên... Ngoài ra, Hà Tây còn là vùng đất đậm đặc các lễ hội dân gian. Nội dung cuốn sách đề cập đến những tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội dân gian có tính tiêu biểu, mang sắc thái riêng của cư dân Hà Tây. Sách gồm 3 chương.

Chương I, *tín ngưỡng dân gian Hà Tây*, làm rõ những tín ngưỡng cổ xưa của người Việt còn lưu giữ tại nơi đây như tín ngưỡng thờ sinh thực khí, tín ngưỡng thờ thần tự nhiên... (Núi Ba Vì - nơi thờ thần núi Tản Viên, Chùa Hương - với dấu tích tu hành của bà Chúa Ba, bãi nổi Tự Nhiên giữa dòng sông Hồng - phát tích thiên tình sử Chử Đồng Tử - Tiên Dung, đền Hát Môn nổi tiếng - gắn với sự nghiệp đánh giặc cứu nước của Hai Bà Trưng...).

Là vùng đất cận kề thành Đại La xưa, sau này là kinh đô Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội, người dân Hà Tây đã sớm tiếp nhận các tôn giáo lớn của khu vực và thế giới. Trong chương II, tác giả giới thiệu *một số tôn giáo ở Hà Tây*, như Đạo giáo, Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo.

Chương III giới thiệu về các *lễ hội dân gian Hà Tây*, như *Lễ hội thời Hùng*

Vương, một số di tích và lễ hội Chử Đồng Tử - Tiên Dung, Rước lốt hổ - trò diễn cổ ở làng Đấu Tranh, Hội thả diều phướn Phật ở chùa Nả,... với nhiều nghi lễ, trò diễn, tập tục cổ được dân chúng diễn xướng xuân thu nhị kỳ làm cho vùng đất Hà Tây sống động không khí hội hè, thôi thúc con người hướng tới chân - thiện - mỹ, tìm về cội nguồn văn hoá dân tộc.

KHÁNH CHI

NGUYỄN THU NGUYỆT. **Vấn đề hôn nhân-gia đình và trẻ em qua góc nhìn báo chí.** H.: Khoa học xã hội, 2007, 156 tr., Vb 45995.

Nghiên cứu các vấn đề gia đình và trẻ em qua lăng kính báo chí là một phương pháp tiếp cận gợi mở con đường nhận thức nội dung, nhận diện các yếu tố, các nhân tố xã hội tạo nên những biến đổi phức tạp trong quan hệ gia đình. Nội dung cuốn sách giúp các nhà nghiên cứu và quản lý xã hội có thể nhận biết thực trạng và xu hướng biến đổi của các quan hệ gia đình, việc chăm sóc, giáo dục trẻ em, từ đó mà đề ra chiến lược, giải pháp thích hợp đối với vấn đề này.

Trên cơ sở khái quát việc đưa tin các vấn đề liên quan tới hôn nhân-gia đình của hệ thống báo chí như số lượng, vị trí, thể loại, trang mục, chủ đề, tần số xuất hiện..., tác giả đã tổng hợp các vấn đề hôn nhân-gia đình qua báo chí. Đó là các vấn đề: hôn nhân có yếu tố nước ngoài, nguyên nhân và những tiêu cực nảy sinh; quan hệ giữa các thế hệ và động thái của gia đình; ngoại tình và ly hôn, những con số thống kê, nguyên

nhân và những hệ lụy; tình dục trước hôn nhân và tảo hôn, quan niệm và thái độ của xã hội về hiện tượng này, tác động của nó tới lối sống của giới trẻ; giáo dục con cái trong gia đình, cách thức và những nguyên tắc; bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình; vấn đề gia đình ở một số nước trên thế giới... Đồng thời tác giả cũng phân tích một số vấn đề về trẻ em được báo chí phản ánh, như: trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trong đó có con số thống kê cụ thể những bài viết về trẻ em lang thang, tác động tiêu cực từ bộ phận trẻ em này tới xã hội, đặc biệt là ngành du lịch và các vấn đề về an ninh; trẻ em vi phạm pháp luật; lạm dụng trẻ em; vấn đề giáo dục trẻ em....

Cuối sách tác giả đưa ra một số kết luận và phụ lục tham khảo.

TRUNG HẬU

ĐÀO TRÍ ÚC, NGUYỄN NHƯ PHÁT (chủ biên). **Tài phán hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán hiến pháp ở Việt Nam.** H.: Công an nhân dân, 2007, 272tr., Vb 46074

Trong bối cảnh xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xã hội dân sự ở nước ta hiện nay, việc đảm bảo về mặt pháp lý cho một loạt yêu cầu của thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường; nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước; bảo đảm quyền con người và các quyền công dân; quan hệ giữa các thiết chế Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm soát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao...) và quan hệ giữa Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, là hết sức cấp bách. Sự hình thành những cơ chế bảo vệ và khôi phục trật tự hiến định đang là vấn đề được giới nghiên cứu quan tâm đặc biệt.

Trên thực tế, trong những năm qua, việc bảo hiến trong cơ chế thực thi quyền lực đã được thực hiện, song hiệu quả của việc bảo vệ trật tự Hiến pháp thông qua các cơ chế còn nhiều hạn chế.

Việc thiết lập tài phán hiến pháp ở Việt Nam rõ ràng cần phải có sự nghiên cứu qui mô, nghiêm túc và cẩn trọng, một mặt cần phải tham khảo kinh nghiệm tiến bộ của các quốc gia trên thế giới, mặt khác đòi hỏi phải nhận thức lại về cơ chế thực thi quyền lực Nhà nước.

Cuốn sách là tập hợp các bài viết của nhiều nhà khoa học - luật học, nhằm cung cấp cho bạn đọc những kiến thức lý luận cơ bản về tài phán hiến pháp và vấn đề xây dựng mô hình tài phán hiến pháp ở Việt Nam hiện nay.

Sách được bố cục thành 3 phần.

Phần thứ nhất giới thiệu những vấn đề lý luận chung về tài phán hiến pháp (thẩm quyền của các cơ quan tài phán hiến pháp, trình tự và thủ tục theo tài phán hiến pháp...)

Phần thứ hai tập trung làm rõ kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng và thực thi nền tài phán hiến pháp, giới thiệu các mô hình cơ quan bảo hiến của các nước trên thế giới (của Cộng hòa liên bang Đức, Hoa Kỳ, các nước SNG, các nước Đông Nam Á...), trên cơ sở đó đưa ra những gợi ý, đề xuất cho mô hình tài phán hiến pháp của Việt Nam.

Phần thứ ba phân tích, luận giải cho nhu cầu xây dựng nền tài phán hiến pháp tại Việt Nam (xác lập cơ chế tài phán hiến pháp; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan tài phán hiến pháp; mô hình bảo vệ hiến pháp; mô hình tài phán hiến pháp ở Việt Nam..)

HẠ VÂN

NGUYỄN ĐÌNH CỬ. **Những xu hướng biến đổi dân số ở Việt Nam** (sách chuyên khảo). H.: Nông nghiệp, 2007, 396tr., Vb 45937

Công tác dân số - KHHGD là một trong những chiến lược quan trọng để phát triển đất nước, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội. Cuốn sách là bản hệ thống và phân tích sâu sắc nhiều số liệu, văn bản, sự kiện liên quan đến dân số và đã phát hiện những thay đổi cốt lõi trong bức tranh dân số nước ta trong gần 30 năm qua, dự báo những diễn tiến của nó trong tương lai.

Những xu hướng biến đổi dân số ở Việt Nam được tác giả tổng hợp là: Qui mô dân số rất lớn nhưng vẫn đang tăng mạnh; Cơ cấu dân số theo giới tính đã dần cân bằng; Mất cân bằng giới tính ở trẻ em và trẻ sơ sinh có xu hướng tăng lên; Cơ cấu dân số theo tuổi thay đổi nhanh; Phân bố dân số không đều, hiện tượng di cư và tích tụ dân số; Mức sinh giảm mạnh do có sự chuyển đổi từ mô hình nhiều con sang mô hình ít con chất lượng cao; Sức khỏe sinh sản bị tổn thương và đang đứng trước những thách thức lớn; Mức chết thấp và ổn định; Chất lượng dân số tăng liên tục nhưng vẫn chưa cao; Gia đình Việt Nam ngày càng nhỏ hơn và dễ đổ vỡ hơn. Đồng thời, tác giả cũng đưa ra các bậc thang phát triển và quá độ dân số ở các tỉnh, phân tích sự biến đổi dân số ở một số vùng cụ thể của nước ta...

Qua đó tác giả đề cập đến những kinh nghiệm thế giới và bài học của Việt Nam trong công tác dân số, cụ thể là: những yếu tố thúc đẩy việc xây dựng chính sách dân số của các chính phủ;

mục tiêu và giải pháp để đạt được các mục tiêu đó trong chính sách dân số thế giới; các hình thức văn bản pháp luật về dân số của thế giới và những bài học kinh nghiệm Việt Nam rút ra trong quá trình đề ra chính sách dân số.

HOÀI PHÚC

TRẦN ĐỨC ANH SƠN. **Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn (Sino-vietnamese porcelains in Nguyễn period)**. H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2008, 298tr., Vv 8430

Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu đồ sứ men lam Huế và nhiều loại đồ gốm khác, tác giả cuốn sách song ngữ Việt-Anh phác họa nên bức tranh chung về đồ sứ ký kiểu (ĐSKK), những đồ sứ do người Việt Nam (gồm cả vua, quan và thường dân) đặt làm tại các lò gốm sứ Trung Hoa trong khoảng thời gian từ nửa sau thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX, với những yêu cầu riêng về kiểu dáng, màu sắc, hoa văn trang trí, thơ văn minh họa và hiệu đề... ghi lại dấu ấn của từng triều đại.

Ngoài Niên biểu Việt Nam; lời nói đầu; 7 phụ lục ảnh minh họa cho nội dung nghiên cứu trong từng chương; tài liệu tham khảo; sách được chia làm 5 chương.

Chương I, *Về thuật ngữ ĐSKK*. Tác giả khái quát lại một số thuật ngữ chỉ nhóm đồ sứ *men lam Huế* được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước bàn thảo, tranh luận trên báo chí từ năm 1994 đến nay, đồng thời lý giải cho sự ra đời thuật ngữ ĐSKK.

Chương II, *ĐSKK trước thời Nguyễn*, đề cập đến các loại ĐSKK thời Lê-Trịnh ở đàng Ngoài, thời các chúa Nguyễn ở đàng Trong và thời Tây Sơn; thời điểm bắt đầu ký kiểu đồ sứ, quan hệ giữa các sứ bộ với việc ký kiểu đồ sứ,

hiệu đề, đặc trưng hoa văn, hoạ tiết trang trí...

Chương III, *ĐSKK thời Nguyễn*, giới thiệu những chuyến đi sứ sang Trung Hoa của các sứ bộ Việt Nam, quan hệ giữa việc đi sứ với việc ký kiểu đồ sứ, đặc trưng của ĐSKK các triều Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, Khải Định; Phương thức ký kiểu và lưu giữ đồ sứ.

Chương IV, *Đặc điểm mỹ thuật của ĐSKK thời Nguyễn*, đặc trưng chung về tạo kiểu dáng, màu sắc, đề tài trang trí.

Chương V, *Văn tự trên ĐSKK thời Nguyễn*, tập trung chủ yếu vào nguồn thơ văn Hán-Nôm và các dạng hiệu đề có trên ĐSKK - hai hình thức thể hiện văn tự tiêu biểu nhất trên đồ sứ Trung Hoa nói chung và ĐSKK nói riêng.

Cuối sách là tài liệu tham khảo

HIỀN LY

ĐINH THỊ THƠM (chủ biên). **Thị trường một số nước châu Phi - cơ hội đối với Việt Nam**. H.: Khoa học xã hội, 2007, 346 tr., Vb 45985

Cuốn sách đã hệ thống hoá, phân tích những thông tin và tổng hợp những ý kiến không chỉ thuần tuý về phương diện kinh tế, thương mại mà cả về phương diện địa lý-kinh tế, lịch sử, văn hoá, xã hội..., với mục đích đưa ra những gợi ý về giải pháp thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Việt Nam và thị trường châu Phi - một thị trường mới mẻ nhưng đang được các doanh nghiệp Việt Nam quan tâm. Cuốn sách gồm 3 chương chính.

Chương I khái quát tình hình phát triển kinh tế-xã hội của châu Phi, trong đó giới thiệu những nét chung về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, con người, dân cư và các nguồn lực, lịch sử phát triển; tổng quan về thị trường châu Phi

với những nét khái quát về nền kinh tế và đặc điểm thị trường, phân tích quan hệ kinh tế và hợp tác Việt Nam-châu Phi, nêu những nét đặc trưng trong quan hệ kinh tế và hợp tác, một số nhận định của các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hoá sang thị trường này.

Chương II nêu lên 5 thị trường của châu Phi được coi là tiềm năng đối với Việt Nam (Nam Phi, Ai Cập, Maroc, Senegan, Tazania) trên cơ sở phân tích điều kiện tự nhiên và xã hội; đặc điểm thị trường của từng nước; qui mô, tầm quan trọng và mức độ ảnh hưởng đối với các thị trường khác; mối quan hệ thương mại của các thị trường đó với Việt Nam.

Ở chương III, các tác giả dự báo khả năng xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam sang châu Phi và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận một số thị trường châu Phi của doanh nghiệp Việt Nam (10 giải pháp vĩ mô và 5 giải pháp vi mô chính).

TRUNG HẬU

DON TAYLOR, JEANNE SMALLING ARCHER. **Để cạnh tranh với người khổng lồ**. H.: Tri thức, 2008, 382tr., Vb 46156.

Các lĩnh vực trong đời sống xã hội đang thay đổi liên tục và diễn ra ở mọi nơi trên thế giới, đặc biệt là trong kinh doanh: người tiêu dùng không ngừng tái định nghĩa dịch vụ và giá trị khách hàng; những đối thủ mới cũng liên tục tiến vào thị trường và loại bỏ bất cứ ưu thế bền vững hiện thời nào; thậm chí những công ty rất ổn định cũng đang tái định vị để chiếm lĩnh thêm những phân khúc còn lại của thị phần... Để giúp các doanh nghiệp nhỏ cạnh tranh được với các nhà bán lẻ "quyền thế" đương thời,

các tác giả cuốn sách đã lần lượt phân tích và đưa ra những sách lược mới và hiệu quả của những chủ doanh nghiệp đã thành công nhằm giúp các doanh nghiệp nhỏ tham khảo, có thể ứng phó với những thay đổi của "cuộc chơi".

Sách gồm 12 chương.

Chương I phân tích những thay đổi mạnh mẽ trong môi trường kinh doanh trên toàn cầu hiện nay.

Chương II, VII, XI nêu lên các chiến lược để thành công trên thương trường, như phân tích 14 chiến lược để kinh doanh hiệu quả, thành công; những chiến lược quảng cáo ít tốn kém; trình bày *Chiến lược Kaizen* - liên tục cải tiến với sự tham gia của tất cả mọi người, với 292 *gợi ý hữu hiệu để cải tiến doanh nghiệp của bạn*;...

Chương III-VI, VIII-X trình bày những sách lược để tạo ra khách hàng; để giữ chân khách hàng; coi dịch vụ là thái độ, coi bán hàng là dịch vụ; doanh nghiệp phải hiểu rõ sức mạnh của thông tin (không chỉ về đối thủ mà còn cả với bản thân doanh nghiệp mình),... Chương X là *Hồ sơ của những doanh nghiệp thành công*.

Chương XII đưa ra các bước để *chống lại khủng hoảng*, chiến thắng thất bại, vượt qua khủng hoảng dễ dàng.

HOÀ AN

NGÔ XUÂN BÌNH (chủ biên). **Những xu hướng phát triển kinh tế chủ yếu ở khu vực Đông Bắc Á**. H.: Khoa học xã hội, 2007, 287 tr., Vb 45308.

Các nền kinh tế Đông Bắc Á là 4 trong 5 đối tác hàng đầu của Việt Nam trong suốt thập niên qua. Ảnh hưởng của chúng tới kinh tế Việt Nam cũng như những đóng góp đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước ta là

rất lớn. Bởi thế các tác giả tập trung nghiên cứu các xu hướng phát triển kinh tế Đông Bắc Á với mục đích nhận diện những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế khu vực, tạo cơ sở để tiếp cận tốt hơn, tạo dựng mối quan hệ có hiệu quả hơn với các đối tác kinh tế chủ yếu khu vực này.

Phần 1 cuốn sách phân tích sự tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực tới sự phát triển kinh tế khu vực Đông Bắc Á. Các tác giả nhận định, nền kinh tế khu vực này chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ quá trình toàn cầu hoá, sự phục hồi sau khủng hoảng tiền tệ năm 1997, vấn đề tự do hoá thương mại giữa các nước Đông Bắc Á với ASEAN. Ngoài ra còn có sự tác động của các đối tác lớn như Liên minh châu Âu, Mỹ, ASEAN.

Trong phần 2, các tác giả đề cập đến những xu hướng phát triển chủ yếu của khu vực Đông Bắc Á như: Hướng tới hiệp định mậu dịch tự do Đông Bắc Á - bắt đầu bằng mậu dịch tự do Nhật Bản - Hàn Quốc; Mậu dịch tự do ba bên Trung-Nhật-Hàn; Hình thành mạng sản xuất ở Đông Bắc Á, phát triển nền kinh tế tri thức.

Qua đó các tác giả cho rằng, tất cả những xu hướng trên đều tác động tới nền kinh tế Việt Nam. Chúng tạo lập môi trường tốt hơn nhằm thúc đẩy phối hợp chính sách hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các nền kinh tế khu vực Đông Bắc Á; mở rộng cơ hội thị trường nhưng đón nhận không ít thách thức trong quan hệ trao đổi thương mại giữa Việt Nam với các đối tác trong khu vực Đông Bắc Á; mở rộng khả năng thu hút luồng vốn bên ngoài cho phát triển kinh tế từ nguồn ODA và FDI.

TRUNG HẬU